

MA TRẬN- BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA, HƯỚNG DẪN CHẤM GIỮA KÌ 1, NĂM HỌC 2024-2025
MÔN KHTN 6

I. KHUNG MA TRẬN

PHƯƠNG ÁN DẠY HỌC

Tuần	1	2	3	4	5	6	7	Tổng
Lí	1	1	1	1	1	1	1	7
Hóa	1	1	1	1	1	1	1	7
Sinh	2	2	2	2	2	2	2	14

- **Thời điểm kiểm tra:** KT GK I
- **Thời gian làm bài:** 90 phút
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp trắc nghiệm và tự luận (Tỉ lệ 40% TN, 60% TL)
- **Cấu trúc:**
 - Mức độ đề (40% Nhận biết, 30% Thông hiểu, 20% Vận dụng thấp, 10% Vận dụng cao.)
 - Phần trắc nghiệm: 4.0 điểm.
 - Phần tự luận: 6.0 điểm.

KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA KÌ I – NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: KHTN 6

[illegible]

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
đơn vị cơ bản của sự sống											
- Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào			1 (1,5đ)						1		1,5
Số câu	1	14	3		2	2	1		7	16	
Điểm số	0,5	3,5	3		1,5	0,5	1		6,0	4,0	10 điểm
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		3,0 điểm				10 điểm		10 điểm

BẢNG ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 - GIỮA KÌ I

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
1. Lực và tác dụng của lực	Nhận biết	-Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.		1		I.1
		-Nêu được đơn vị lực đo lực, dụng cụ đo lực là lực kế.		1		I.2
		-Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, làm biến dạng vật.				
	Thông hiểu	- Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. - Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế).				
	Vận dụng	- Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.	1		II.2	
2.Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	Nhận biết	- Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc, lực không tiếp xúc. - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.		1		I.3
	Thông hiểu	- Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. – Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với				

		vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.				
3. Biến dạng của lò xo	Nhận biết	Nhận biết được biến dạng của lò xo và ứng dụng của nó trong một số thiết bị thường gặp.	1	1	II.1	I.4
	Thông hiểu	- Chỉ ra được phương, chiều của lực đàn hồi khi vật chịu lực tác dụng. - Chứng tỏ được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.				
	Vận dụng	- Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật.				
4. Mở đầu						
- Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	Nhận biết	– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.		1		I.5
		– Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.		2		I.6,7
		– Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, - Biết cách sử dụng kính lúp, kính hiển vi quang học		1		I.8
	Thông hiểu	– Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.	1		II.3	

		– Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.	1		II.4	
5. Các phép đo						
- Đo chiều dài, khối lượng và thời gian	Nhận biết	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài, khối lượng, thời gian trong một số trường hợp đơn giản. - Trình bày được được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản.		4		I.9,10,11,12
	Thông hiểu	– Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng, thời gian trong một số trường hợp đơn giản.				

	Vận dụng bậc thấp	- Xác định được giới hạn đo (GHD) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước, cân - Dùng thước, cân, đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài, khối lượng, thời gian và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. - Đo được chiều dài, khối lượng, thời gian của một vật bằng thước (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).	1	1	II.6	I.13
	Vận dụng bậc cao	Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,..	1		II.7	
4. Thang nhiệt độ Celsius – Đo nhiệt độ	Nhận biết	- Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.		1		I.14
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường				

		hợp đơn giản.				
	Vận dụng	- Xác định được giới hạn đo (GHD) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại nhiệt kế. - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).		1		I.15
	Vận dụng cao	- Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit, Kelvin và ngược lại.				
5.Đo thể tích	Nhận biết	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thể tích. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thể tích trong một số trường hợp đơn giản.				
	Thông hiểu	- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thể tích trong một số trường hợp đơn giản.				
	Vận dụng	- Xác định được giới hạn đo (GHD) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của bình chia độ. - Dùng bình chia độ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thể tích và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. - Đo được thể tích của một lượng chất lỏng bằng bình				

		chia độ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). - Xác định được thể tích của vật rắn không thấm nước bằng bình chia độ, bình tràn (như hòn đá, đinh ốc...)				
6. Tế bào						
– Khái niệm tế bào – Hình dạng và kích thước tế bào – Cấu tạo và chức năng tế bào – Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống.	Nhận biết	- Nêu được khái niệm tế bào. - Nêu được chức năng tế bào. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.		1		I.16
	Thông hiểu	- Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào). - Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào). - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.	1		II.5	
	Vận dụng bậc thấp	– Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.				

I. TRẮC NGHIỆM:(4,0 điểm) Chọn 01 phương án trả lời đúng của mỗi câu sau và ghi vào giấy làm bài.

Câu 1. Một cầu thủ đá vào trái banh, tức là cầu thủ đã tác dụng vào trái banh một lực là

- A. lực đẩy. B. lực kéo. C. lực hút. D. lực đàn hồi.

Câu 2. Dụng cụ để đo lực là

- A. cân. B. lực kế. C. đồng hồ. D. thước.

Câu 3. Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực tiếp xúc?

- A. Quả táo rơi từ trên cây xuống. B. Hai thanh nam châm đẩy nhau.
C. Mặt Trăng quay quanh Trái Đất. D. Mẹ em ấn nút công tắc bật đèn.

Câu 4. Vật nào dưới đây có biến dạng giống biến dạng lò xo?

- A. quyển sách. B. Sợi dây cao su. C. Hòn bi. D. Cái bàn.

Câu 5. Điền vào chỗ “...” để được câu hoàn chỉnh.

Khoa học tự nhiên là một nhánh của khoa học, nghiên cứu về....., tìm ra tính chất, các quy luật của chúng.

- A. động vật và thực vật. B. khoa học kỹ thuật.
C. hiện tượng tự nhiên. D. thế giới và con người.

Câu 6. Việc làm nào sau đây là việc nên làm trong phòng thực hành?

- A. Mang đồ ăn vào phòng thực hành. B. Buộc tóc gọn gàng khi làm thí nghiệm.
C. Đùa giỡn trong phòng thực hành. D. Ném ngửi hóa chất.

Câu 7. Khi gặp sự cố trong phòng thí nghiệm ta nên làm gì?

- A. Tự ý xử lý sự cố. B. Gọi bạn xử lý giúp. C. Báo giáo viên. D. Đi làm việc khác.

Câu 8. Muốn nhìn rõ dấu vân tay, ta nên sử dụng kính gì?

- A. Kính cận. B. Kính hiển vi. C. Kính thiên văn. D. Kính lúp.

Câu 9. Khi đo chiều dài của vật, cách đặt thước nào dưới đây là đúng?

- A. Đặt thước dọc theo chiều dài vật.
B. Đặt thước vuông góc với chiều dài vật.
C. Đặt thước tùy ý theo chiều dài vật.
D. Đặt thước dọc theo chiều dài vật, một đầu nằm ngang bằng với vạch số 0.

Câu 10. Đơn vị đo độ dài hợp pháp ở nước ta là

- A. milimét (mm). B. xentimét (cm). C. kilômét (km). D. mét (m).

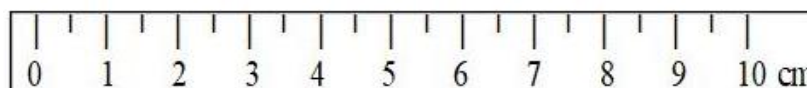
Câu 11. Để xác định thành tích của vận động viên chạy 100m người ta phải sử dụng loại đồng hồ nào dưới đây?

- A. Đồng hồ quả lắc. B. Đồng hồ bấm giây. C. Đồng hồ hẹn giờ. D. Đồng hồ đeo tay.

Câu 12. Dụng cụ **không** được sử dụng để đo chiều dài là

- A. thước dây. B. thước kẹp. C. thước cuộn. D. compa.

Câu 13. Độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước trong hình là



- A. 0,5 cm. B. 1 cm. C. 5 cm. D. 10 cm.

Câu 14. Để xác định mức độ nóng, lạnh của vật, người ta dùng khái niệm

- A. nhiệt kế. B. nhiệt độ. C. thể tích. D. chiều dài.

Câu 15. Cho các bước như sau:

1. Vẩy mạnh cho thủy ngân bên trong nhiệt kế tụt xuống.
 2. Chờ khoảng 2-3 phút, lấy nhiệt kế ra đọc nhiệt độ.
 3. Dùng bông y tế lau sạch thân và bầu nhiệt kế.
 4. Dùng tay phải cầm thân nhiệt kế, đặt bầu nhiệt kế vào nách trái, kẹp cánh tay lại để giữ nhiệt kế.
- Thứ tự các bước đúng khi sử dụng nhiệt kế y tế thủy ngân là

A. 1-2-3-4. **B.** 3-4-1-2. **C.** 3-1-4-2. **D.** 4-2-3-1.

Câu 16. Hình dạng tế bào thần kinh ở người là

A. Hình sao. **B.** Hình cầu. **C.** Hình đa giác. **D.** Hình que.

II. TỰ LUẬN: (6.0 điểm)

Câu 1. (0,5 điểm). Nêu 2 ứng dụng của lò xo trong cuộc sống.

Câu 2. (1,0 điểm). Một người dùng tay đẩy cánh cửa theo phương ngang với lực 30N.

a/ Hãy vẽ mũi tên biểu diễn lực của người đó. Tỉ xích tùy chọn.

b/ Nêu tác dụng của lực đẩy đối với cánh cửa.

Câu 3. (0,5 điểm) Xác định các lĩnh vực nghiên cứu của Khoa học tự nhiên qua các hiện tượng sau đây:

a/ Hiện tượng cầu vồng.

b/ Hiện tượng cây đinh sắt để ngoài trời một thời gian bị gỉ.

Câu 4. (1,0 điểm) Nêu quy định an toàn trong phòng thực hành qua các ảnh sau:

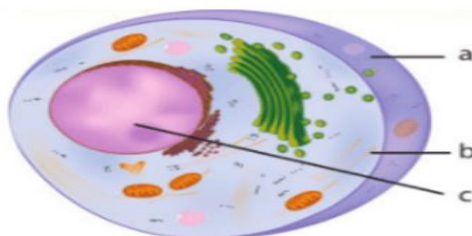


Hình a



Hình b

Câu 5. (1,5 điểm) Quan sát hình ảnh dưới đây về cấu tạo tế bào A:



Hình 13.9

Hãy chú thích tên các thành phần cấu tạo của tế bào A theo thứ tự (a), (b), (c). Nêu chức năng của mỗi thành phần.

Câu 6. (0,5 điểm) Các thao tác nào dưới đây là sai khi dùng cân đồng hồ? Nêu cách khắc phục để thu được kết quả đo chính xác.

- a/ Đặt cân trên bề mặt không bằng phẳng.
- b/ Không cân ước lượng khối lượng của vật trước khi đo.
- c/ Vận ốc điều chỉnh để kim cân chỉ đúng vạch số 0.
- d/ Đọc kết quả khi cân ổn định.

Câu 7. (1,0 điểm) Cho các dụng cụ sau:

- Một sợi chỉ dài 50 cm
- Một chiếc thước kẻ có giới hạn đo 50 cm
- Một cái đĩa tròn.

Hãy tìm phương án đo đường kính của cái đĩa đó.

.....*Hết*.....

ĐỀ CHÍNH THỨC

Mã đề: B

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm) Chọn một phương án trả lời đúng của mỗi câu sau và ghi vào giấy làm bài.

Câu 1. Khi lực sĩ bắt đầu ném một quả tạ, lực sĩ đã tác dụng vào quả tạ một

- A. lực nâng. B. lực kéo. C. lực uốn. D. lực đẩy.

Câu 2. Đơn vị nào sau đây là đơn vị của lực?

- A. Kilôgam (kg). B. Centimét (cm). C. Niuton (N). D. Lít (L).

Câu 3. Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực **không** tiếp xúc?

- A. Em bé đẩy cho chiếc xe đồ chơi rơi xuống đất. B. Gió thổi làm thuyền chuyển động.
C. Cầu thủ đá quả bóng bay vào gôn. D. Quả táo rơi từ trên cây xuống.

Câu 4. Vật nào sau đây **không** có tính chất đàn hồi?

- A. Lò xo. B. Vỏ bút nhựa. C. Dây cao su. D. Miếng đệm.

Câu 5. Môn Khoa học tự nhiên là môn học tìm hiểu về những điều gì?

- A. Thế giới và con người. B. Hiện tượng tự nhiên và các tính chất, quy luật của chúng.
C. Động vật, thực vật. D. Khoa học kĩ thuật và ứng dụng trong cuộc sống.

Câu 6. Việc làm nào sau đây **không nên** làm trong phòng thực hành?

- A. Chạy nhảy trong phòng thực hành. B. Đọc hiểu các biển báo trong phòng thực hành.
C. Làm thí nghiệm khi có người hướng dẫn. D. Thu gom chất thải để đúng nơi quy định.

Câu 7. Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện các nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của bạn bè trong lớp.
B. Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.
C. Mang đồ ăn vào phòng thực hành.
D. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.

Câu 8. Muốn quan sát tế bào lá cây, ta nên sử dụng kính gì?

- A. Kính lúp. B. Kính hiển vi. C. Kính cận. D. Kính lão.

Câu 9. Trước khi đo chiều dài của vật ta thường ước lượng chiều dài của vật để

- A. lựa chọn thước đo phù hợp. B. đặt mắt đúng cách.
C. đọc kết quả đo chính xác. D. đặt vật đo đúng cách.

Câu 10. Đơn vị đo khối lượng hợp pháp ở nước ta là

- A. gam. B. kilôgam. C. tấn. D. tạ.

Câu 11. Để đo số đo cơ thể của khách hàng may quần áo, người thợ may nên dùng thước nào sau đây?

- A. Thước thẳng. B. Thước dây. C. Thước cuộn. D. Thước kẹp.

Câu 12. Cân phù hợp để cân vàng, bạc ở tiệm vàng là

- A. cân đồng hồ. B. cân y tế. C. cân tiểu li. D. cân tạ.

Câu 13. Giới hạn đo (GHĐ) của thước trong hình là



- A. 0,1 cm. B. 0,5 cm. C. 1 cm. D. 10 cm.

Câu 14. Nhiệt độ là

- A. phần không gian bị vật chiếm chỗ. B. sức nặng của vật.
C. số đo dài, ngắn của vật. D. số đo chỉ mức độ nóng, lạnh của vật.

Câu 15. Cho các bước như sau:

1. Bấm nút khởi động.
2. Đặt đầu kim loại của nhiệt kế xuống lưỡi.
3. Lau sạch đầu kim loại của nhiệt kế.
4. Chờ khi có tín hiệu “bíp”, rút nhiệt kế ra đọc nhiệt độ.
5. Tắt nút khởi động.

Thứ tự các bước đúng khi sử dụng nhiệt kế y tế điện tử là

- A. 1-2-3-4- 5. B. 3-1-2-4-5. C. 2-3-5-1-4. D. 5-4-3-2-1.

Câu 16. Hình dạng tế bào hồng cầu là

- A. Hình sao. B. Hình cầu. C. Hình đa giác. D. Hình que.

II. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu 1. (0,5 điểm). Nêu 2 ứng dụng của lò xo trong cuộc sống.

Câu 2. (1,0 điểm). Một người dùng tay đẩy cánh cửa phòng theo phương ngang với lực 20N.

a/ Hãy vẽ mũi tên biểu diễn lực của người đó. Tỉ xích tùy chọn.

b/ Nêu tác dụng của lực đẩy đối với cánh cửa phòng.

Câu 3. (0,5 điểm) Xác định các lĩnh vực nghiên cứu của Khoa học tự nhiên qua các hiện tượng sau đây:

a/ Hiện tượng đun nóng đường tạo ra chất rắn màu đen.

b/ Hiện tượng lớn lên của cây lúa.

Câu 4. (1,0 điểm). Các kí hiệu dưới đây có ý nghĩa gì?



Hình 1



Hình 2

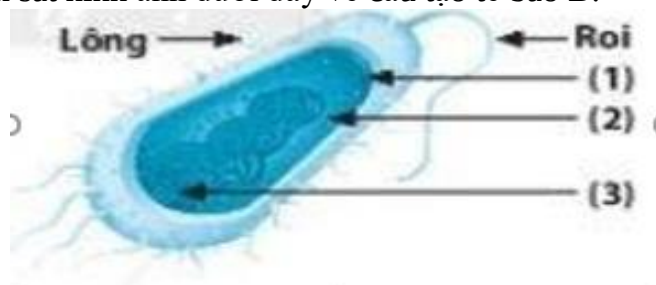


Hình 3



Hình 4

Câu 5. (1,5 điểm) Quan sát hình ảnh dưới đây về cấu tạo tế bào B:



Hãy chú thích tên các thành phần cấu tạo của tế bào B theo thứ tự (1), (2), (3). Nêu chức năng của mỗi thành phần.

Câu 6. (0,5 điểm) Các thao tác nào dưới đây là sai khi dùng cân đồng hồ? Nêu cách khắc phục để thu được kết quả đo chính xác.

a/ Đặt vật lệch một bên trên đĩa cân.

b/ Chọn cân có GHĐ và ĐCNN thích hợp.

c/ Để vật chồng kênh trên đĩa cân.

d/ Đặt mắt nhìn theo hướng vuông góc với mặt đồng hồ.

Câu 7. (1,0 điểm) Cho các dụng cụ sau:

- Một sợi chỉ dài 50 cm
- Một chiếc thước kẻ có giới hạn đo 50 cm
- Một ống nước.

Hãy tìm phương án đo đường kính của ống nước đó.

....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2024 -2025
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Mã đề: A

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm) Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trả lời	A	B	D	B	C	B	C	D	D	D	B	D	A	B	C	A

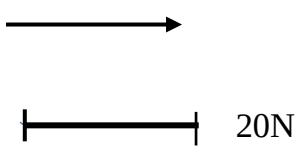
II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (0,5đ)	- Nêu được 2 ứng dụng	0,25đ 0,25đ
Câu 2 (1,0đ)	a/ Hình vẽ:  b/ Lực làm cánh cửa phòng chuyển động	0,5đ 0,5đ
Câu 3 (0,5 đ)	a. Lĩnh vực vật lí b. Lĩnh vực hóa học	0,5đ 0,5đ
Câu 4 (1,0đ)	a. Mặc trang phục gọn gàng, nữ buộc tóc cao, đeo găng tay, khẩu trang, kính bảo hộ (nếu cần thiết) b. Sau khi làm xong TN, thu gom rác thải để đúng nơi quy định, dọn dẹp, rửa tay sạch bằng xà phòng.	0,5đ 0,5đ
Câu 5 (1,5đ)	a- Màng tế bào: bao bọc tế bào chất, tham gia vào quá trình TĐC của tế bào với môi trường. b- Tế bào chất: nơi diễn ra quá trình TĐC. c- Nhân: chứa vật chất di truyền, trung tâm điều khiển mọi hoạt động của tế bào.	0,5đ 0,5đ 0,5đ
Câu 6 (0,5đ)	- Các thao tác chưa đúng là a,b - Cách khắc phục: + Đặt cân trên bề mặt bằng phẳng để kết quả đo chính xác, cần ước lượng khối lượng vật để chọn cân có GHĐ và ĐCNN thích hợp.	0,25 0,25
Câu 7 (1,0 đ)	- Dùng sợi chỉ quấn một vòng quanh đĩa. Đánh dấu chiều dài một vòng của sợi chỉ. - Dùng thước kẻ đo chiều dài sợi chỉ vừa đánh dấu. Kết quả đo chính là đường kính của đĩa.	0,5đ 0,5đ

Mã đề: B**I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)** Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trả lời	D	C	D	B	B	A	D	B	A	B	B	C	A	D	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (0,5đ)	-Lực tiếp xúc là lực xuất hiện khi vật gây ra lực tiếp xúc với vật chịu tác dụng của lực. -Cho đúng ví dụ.	0,25đ 0,25đ
Câu 2 (1,0đ)	a/ Hình vẽ:  b/ b/ Lực làm cánh cửa phòng chuyển động	0,5đ 0,5đ
Câu 3 (0,5đ)	- Lĩnh vực hóa học - Lĩnh vực sinh học	0,25đ 0,25đ
Câu 4 (1,0đ)	Hình 1: Chất ăn mòn Hình 2: Chất dễ cháy Hình 3: Cấm sử dụng nước uống Hình 4: cảnh báo chất nguy hiểm	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
Câu 5 (1,5đ)	1- Màng tế bào: bao bọc tế bào chất, tham gia vào quá trình TĐC của tế bào với môi trường. 2- Tế bào chất: nơi diễn ra quá trình TĐC. 3- Nhân: chứa vật chất di truyền, trung tâm điều khiển mọi hoạt động của tế bào.	0,5đ 0,5đ 0,5đ
Câu 6 (0,5đ)	Thao tác sai là a, c Cách khắc phục là: Đặt vật vào giữa đĩa cân để đo kết quả chính xác. Chọn cân phù hợp với vật cần đo, nếu vật quá cồng kềnh sẽ làm hư cân và ảnh hưởng tới kết quả đo.	0,25 0,25
Câu 7 (1,0 đ)	- Dùng sợi chỉ quấn một vòng quanh ống nước. Đánh dấu chiều dài một vòng của sợi chỉ. - Dùng thước kẻ đo chiều dài sợi chỉ vừa đánh dấu. Kết quả đo chính là đường kính của ống nước.	0,5đ 0,5đ

